

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E504

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 17/08/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0104	Đỗ Quang	Khải	1/6/2000			
2	TA0105	Dương Văn	Khanh	25/1/1999			
3	TA0106	Đỗ Nguyễn Thiện	Khiêm	19/4/2000			
4	TA0107	Ngô Quang	Khiêm	27/12/2000			
5	TA0108	Phạm Văn	Khương	3/1/2000			
6	TA0109	Bùi Quang Hiếu	Kiên	30/9/2000			
7	TA0110	Nguyễn Duy	Kiên	9/10/2000			
8	TA0111	Nguyễn Văn	Kiên	24/06/1999			
9	TA0112	Trương Thị Hải	Lam	10/11/2000			
10	TA0113	Hoàng Hoài	Lâm	5/6/1999			
11	TA0114	Nguyễn Tùng	Lâm	10/4/1999			
12	TA0115	Phạm Hồng	Lâm	27/3/1998			
13	TA0116	Bùi Thị Thúy	Lan	13/9/2000			
14	TA0117	Đỗ Mai	Lan	21/2/2000			
15	TA0118	Đỗ Thị	Lan	7/7/1999			
16	TA0119	Hà Thị	Lan	3/7/2000			
17	TA0120	Nguyễn Ngọc	Lan	17/8/1999			
18	TA0121	Vũ Hoàng	Lân	5/1/2000			
19	TA0122	Lê Tấn	Lập	9/2/2000			
20	TA0123	Nguyễn Thị Cẩm	Lê	21/11/2000			
21	TA0124	Lê Thuỳ	Linh	8/4/2000			
22	TA0125	Ngô Thị Thùy	Linh	09/01/2000			
23	TA0126	Nguyễn Văn	Linh	17/9/2000			
24	TA0127	Quách Thị Mỹ	Linh	2/7/2000			
25	TA0128	Nguyễn Thành	Lộc	6/4/2000			
26	TA0129	Dương Duy	Long	14/9/2000			
27	TA0130	Lê Quang	Long	14/8/2000			
28	TA0131	Mai Viết	Long	15/12/2000			
29	TA0132	Nguyễn Duy	Long	3/11/2000			
30	TA0133	Nguyễn Duy	Long	1/5/2000			
31	TA0134	Nguyễn Hải	Long	11/12/2000			
32	TA0135	Nguyễn Hoàng	Long	30/9/1999			
33	TA0136	Nguyễn Thành	Long	18/8/2000			
34	TA0137	Nguyễn Trần	Long	26/7/2000			

35	TA0138	Phạm Hữu	Long	10/11/1999			
36	TA0139	Phạm Mạnh Hải	Long	17/10/2000			
37	TA0140	Tổng Trường	Long	20/10/2000			
38	TA0141	Trần Đức	Long	21/9/1999			
39	TA0142	Vũ Thành	Long	9/8/2000			
40	TA0143	Phạm Thị Hương	Ly	28/1/2000			
41	TA0144	Dương Thị Hoa	Mai	11/3/1994			
42	TA0145	Mai Xuân	Minh	24/1/2000			
43	TA0146	Nguyễn Đức	Minh	1/6/2000			
44	TA0147	Phạm Thị	Minh	11/5/2000			
45	TA0148	Trần Quang	Minh	7/12/1999			
46	TA0149	Nguyễn Nghiêm Duy	Mười	6/9/1999			
47	TA0150	Đinh Hải	Nam	8/3/2000			
48	TA0151	Doãn Phương	Nam	27/2/2000			
49	TA0152	Nguyễn Đình	Nam	3/6/2000			
50	TA0153	Nguyen Van	Nam	30/1/1999			
51	TA0154	Nguyễn Thị	Nga	18/5/2000			
52	TA0155	Vũ Thị	Ngân	11/10/2000			
53	TA0156	Nguyễn Đăng	Nghĩa	19/10/1998			
54	TA0157	Vũ Đức	Nghĩa	29/8/2000			
55	TA0158	Lại Thị	Ngọc	6/7/1999			
56	TA0159	Nguyễn Minh	Ngọc	13/1/2000			
57	TA0160	Đào Công	Nguyên	3/4/1999			
58	TA0161	Nguyễn Minh	Nguyệt	1/7/2000			
59	TA0162	Phạm Đức	Nhân	29/5/2000			
60	TA0163	Đặng Thị Mai	Nhật	12/8/2000			
61	TA0164	Nguyễn Tuấn	Nhật	5/6/2001			
62	TA0165	Nguyễn Thị Trang	Nhung	24/9/2000			
63	TA0166	Tào Nhật	Ninh	1/2/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)